

Bản án số: 649/2025/HC-PT  
Ngày 26 tháng 5 năm 2025  
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành  
chính về giải quyết chế độ ưu đãi  
người có công với Cách mạng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết chế độ ưu đãi người có công với Cách mạng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2024/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1218/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Ông Vũ Nhật H1  
- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng người có công trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Ông Bùi Văn H là người khởi kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ông Bùi Văn H là con của liệt sĩ Bùi Văn T. Theo đơn đề nghị của ông H, UBND huyện L đã giải quyết các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, cụ thể như sau:

Ngày 28/10/2022, UBND huyện L đã ban hành Công văn số 11518/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn đề nghị giao đất làm nhà ở của ông H, theo đó UBND huyện L hiện chưa có quỹ đất để thực hiện việc giao đất. Khi UBND huyện L bố trí được khu đất công, ông H được liên hệ để giải quyết theo quy định.

Ông H không đồng ý với Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 24/5/2023, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn của ông H, giữ nguyên Công văn số 11518/UBND-TNMT.

Ngày 29/12/2022, UBND huyện L ban hành Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH về việc giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T, gồm: Chế độ tiền hàng tháng của Liệt sĩ. Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ. Chế độ tiền thi đua khen thưởng cho liệt sĩ. Chế độ tiền Bằng Tổ quốc ghi công. Chế độ tiền tặng Kỷ niệm chương cho liệt sĩ. Chế độ một lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ. Chế độ thờ cúng liệt sĩ. Chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ. Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ. Chế độ hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 cho tới năm 1978 mới nhận tiền hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ. Chế độ 290, 188, 142 của liệt sĩ chưa giải quyết đầy đủ theo quy định. Chế độ phong tặng Bằng danh dự Nhà nước cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Ông H không đồng ý với việc giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T tại Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 22/05/2023, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1157/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn của ông H, giữ nguyên Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH.

Ông H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 và Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2023/HC-ST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy Công văn số 14369/UBND-LĐTBXH ngày 29/12/2022 và Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 22/05/2023, buộc UBND huyện L chuyển đơn yêu cầu giải quyết 12 chế độ của ông H đến UBND tỉnh B để giải quyết theo đúng thẩm quyền (UBND huyện L không có thẩm quyền giải quyết chế độ người có công với cách mạng).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Công văn số 11518/UBND-TNMT ngày 28/10/2022 và Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 về nội dung giao đất làm nhà ở.

Ngày 15/4/2024, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 4777/UBND-VP về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Bùi Văn H, theo đó UBND tỉnh B đã giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân của liệt sĩ Bùi Văn T.

Ông H không đồng ý với Văn bản số 4777/UBND-VP đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 4777/UBND-VP ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh B.

- Buộc UBND tỉnh B giải quyết cho ông Bùi Văn H được hưởng tất cả các chế độ trợ cấp của thân nhân liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Bùi Văn H trình bày:*

Ông H là con của liệt sĩ Bùi Văn T và là cháu ruột của liệt sĩ Nguyễn Văn C. Ông H mồ côi cả cha lẫn mẹ, cha hi sinh khi ông H mới đẻ. Ông H là người thờ cúng liệt sĩ Bùi Văn T nhưng không có việc làm ổn định và không có chỗ ở ổn định để thờ cúng liệt sĩ. Ông H phải thuê nhà trọ nhưng không được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng và chế độ chính sách cho thân nhân liệt sĩ.

Ngày 15/4/2024, UBND tỉnh B đã ban hành Văn bản số 4777/UBND-VP về việc giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T nhưng Văn bản số 4777/UBND-VP chỉ mang tính chất chung chung, không giải quyết chế độ gì cho người có công và thân nhân liệt sĩ theo quy định. Ông H đã đi rất nhiều lần đến tất cả các ban, ngành nhưng không có bất kỳ cơ quan nào giải quyết quyền lợi cho ông H.

Liệt sĩ Bùi Văn T hy sinh năm 1968. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B cho rằng đã giải quyết tiền tuất hàng tháng vào năm 1976 cho gia đình liệt sĩ Bùi Văn T nhưng không có chứng cứ ai là người đã nhận và ký tên vào thời gian đó. Từ năm 1996 thì cắt hết chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với thân nhân liệt sĩ cho đến nay.

Theo Thông tư số 48-TBXH ngày 30/09/1985 và Thông tư số 18-LĐTBXH ngày 01/08/1995, thân nhân liệt sĩ đủ điều kiện hưởng tiền tuất hàng tháng hoặc trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng, đều thống nhất tính từ ngày 01/01/1995 trở về sau.

Bà Bùi Thị N là mẹ của liệt sĩ Bùi Văn T và liệt sĩ Nguyễn Văn C nhưng các ngành thương binh xã hội từ tỉnh xuống tới huyện và xã L đã cố tình làm sai giấy tờ thành Mai Thị T1 và Bùi Thị T2 để không giải quyết việc truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho bà Bùi Thị N

Do vậy, ông H khởi kiện đến Tòa án với các yêu cầu như trên.

*Ý kiến người bị kiện là UBND tỉnh B:*

Theo Văn bản số 16728/UBND-VP ngày 13/11/2024 và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa:

Về việc hủy Văn bản số 4777/UBND-VP: Thực hiện nội dung quyết định tại Bản án số 171/2023/HC-ST ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu. Qua xem xét Báo cáo số 361/SLĐTBXH-TTr ngày 22/3/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và hồ sơ, tài liệu kèm theo, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 4777/UBND-VP ngày 15/4/2024 trả lời đơn kiến nghị của ông Bùi Văn H ở huyện L là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Yêu cầu giải quyết các chế độ của thân nhân liệt sĩ: Từ năm 2013 đến nay, ông H đã gửi nhiều đơn kiến nghị có cùng nội dung yêu cầu lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Sở, lãnh đạo huyện L tiếp, đối thoại. Qua đó, ông H đều được lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Sở, lãnh đạo huyện sắp xếp thời gian tiếp, đối thoại, giải đáp về chế độ chính sách.

UBND tỉnh B đã chỉ đạo Sở L phối hợp cùng các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quá trình giải quyết chế độ ưu đãi đối với gia đình liệt sĩ Bùi Văn T từ năm 1976 đến nay. Kết quả kiểm tra cho thấy các chế độ đối với thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T nói chung và cá nhân ông Bùi Văn H nói riêng đã được tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Qua đó, UBND tỉnh và các Sở, ban ngành đã có nhiều văn bản trả lời cho ông H, đồng thời báo cáo Tỉnh ủy và thông báo kết quả đến các cơ quan liên quan.

#### 1. Về chế độ tiền hàng tháng của liệt sĩ:

Theo hồ sơ lưu trữ tại Sở L, chế độ tuất liệt sĩ Bùi Văn T đã được UBND tỉnh Đ giải quyết cho thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T theo Quyết định không ghi số ngày 11/4/1978 của UBND tỉnh Đ cho mẹ là bà Mai Thị T1, vợ là bà Nguyễn Thị K và hai con là Bùi Ngọc T3 và Bùi Văn H. Ngày 10/11/1982, Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Đ ban hành Quyết định số 34/QĐ-LS về việc điều chỉnh cho ông Bùi Văn H hưởng trợ cấp hàng tháng từ tuất thường xuyên sang tuất thường xuyên ưu đãi (con liệt sĩ đồng thời mồ côi mẹ, do bà Nguyễn Thị K mất năm 1982). Như vậy, việc nhận trợ cấp tuất lần đầu, tuất hàng tháng, truy lĩnh trợ cấp kể từ ngày 17/6/1976, điều chỉnh tăng mức trợ cấp đã được thực hiện đầy đủ.

#### 2. Chế độ mai táng phí cho liệt sĩ:

Tại thời điểm báo tử liệt sĩ Bùi Văn T, việc mai táng cho liệt sĩ được quy định tại Điều 16 Nghị định 08/NĐ-76 và Phần thứ hai, Mục 1-B Thông tư số 5/TT-76 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam. Theo đó, chưa có quy định chi trả tiền mai táng phí cho thân nhân liệt sĩ.

#### 3. Tiền thi đua khen thưởng:

Ngày 06/7/1989, liệt sĩ Bùi Văn T được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, căn cứ quy định tại Nghị định 59/2003/NĐ-CP, ông H là con liệt sĩ được nhận trợ cấp 01 lần đối với thân nhân người HĐKC đã từ trần trước 01/01/1995 (số tiền 01 triệu đồng). Vợ ông H đã ký nhận tiền.

Đối với các hình thức khen thưởng khác như Huân chương, Huy chương Chiến sĩ giải phóng mà liệt sĩ Bùi Văn T đã được khen thưởng: Căn cứ Quyết định số 6B-VP/MT ngày 06/7/1966 của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền N1 về Điều lệ khen thưởng theo niên hạn phục vụ của cán bộ, chiến

sĩ quân giải phóng thì việc khen thưởng không quy định kèm theo tiền hoặc hiện vật.

#### 4. Tiền Bằng Tổ quốc ghi công:

Tại các Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng chỉ quy định chi trả tiền trợ cấp tuất một lần khi báo tử liệt sĩ. Liệt sĩ Bùi Văn T đã được cấp Bằng Tổ quốc ghi công ngày 17/7/1978, số ký hiệu Bằng TQGC: 5Y; số bằng 694; theo Quyết định 765/TTga. Gia đình liệt sĩ Bùi Văn T đã được trợ cấp tuất lần đầu là 275,60 đồng theo khoản 1 Điều 1 Quyết định không ghi số ngày 11/4/1978 của UBND tỉnh Đ.

Tháng 10/2013, ông H nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công cho liệt sĩ Bùi Văn T, đã được cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công theo Công văn số 406/LĐTBXH ngày 05/11/2013. Trường hợp này là cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công, không thuộc trường hợp truy tặng Bằng Tổ quốc ghi công (lần đầu) nên không được hưởng chế độ kèm theo.

#### 5. Tiền kỷ niệm chương:

Theo Luật Thi đua khen thưởng số 15/2003-QH11 năm 2003, Pháp lệnh số 01/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04/10/2002; Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005; Pháp lệnh số 02/2020 ngày 09/12/2020 về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng chỉ có quy định tặng Kỷ niệm chương đối với người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày và người có công giúp đỡ cách mạng, chưa có quy định nào về việc tặng Kỷ niệm chương cho liệt sĩ.

#### 6. Chế độ một lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ:

Thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T đã được trợ cấp một lần theo quy định tại Nghị định 59/2003/NĐ-CP (theo nội dung trả lời ở Mục 3).

#### 7. Tiền thờ cúng liệt sĩ:

Trước năm 2013 chưa có quy định chi trả tiền thờ cúng liệt sĩ cho thân nhân chủ yếu của liệt sĩ (trong đó có con liệt sĩ), chỉ quy định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với các trường hợp không còn thân nhân chủ yếu. Từ năm 2013, ông H nhận trợ cấp thờ cúng liệt sĩ như sau: Theo Quyết định số 895/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/01/2016, ông H nhận trợ cấp thờ cúng năm 2015 và truy lĩnh 02 năm 2013, 2014. Từ năm 2016 trở đi, ông H nhận trợ cấp thờ cúng liệt sĩ mỗi năm 500.000 đồng. Đến năm 2022, ông H được nhận trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 1.400.000 đồng/năm theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

#### 8. Mai táng phí cho vợ liệt sĩ:

Bà Nguyễn Thị K từ trần năm 1982, thời điểm này Nhà nước chưa có quy định về mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ. Đến năm 1995, chế độ mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ mới được quy định tại Điều 21 Nghị định 28/CP ngày 29/4/1995 và được thực hiện kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực (theo nội dung trả lời ở Mục 2).

#### 9. Chế độ người có công che dấu cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ:

Ông H cho rằng mẹ ông là bà Nguyễn Thị K, vợ liệt sĩ Bùi Văn T chưa hưởng chế độ người có công giúp đỡ cách mạng, căn cứ quy định tại Điều 38 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH14 về tiêu chuẩn, điều kiện giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng; Nghị định 131/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14, đề nghị ông H liên hệ UBND thị trấn L để được hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục hồ sơ nhưng đến nay ông H chưa nộp.

10. Chế độ trợ cấp hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hy sinh năm 1968 đến năm 1978:

Tại Nghị định 08/NĐ76 ngày 17/6/1976 của Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam thì không có quy định truy lĩnh trợ cấp cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hy sinh đến thời điểm 17/6/1976 (ngày Nghị định 08/NĐ76 có hiệu lực thi hành).

11. Trợ cấp theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg; Quyết định 188/2007/QĐ-TTg; Quyết định 142/2008/QĐ-TTg:

- Trợ cấp theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg: Ông H đã được nhận trợ cấp với số tiền 2.250.000 đồng theo Quyết định 746/QĐ-BTL ngày 15/9/2006 và 1.000.000 đồng theo Quyết định 1454/QĐ-BTL ngày 06/10/2010 của Bộ.

- Trợ cấp theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007: Quyết định 188/2007/QĐ-TTg là quyết định sửa đổi, bổ sung cho Quyết định 290/QĐ-TTg, ông H đã nhận trợ cấp theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg nên không giải quyết chế độ theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg nữa.

- Trợ cấp theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg: Quyết định này quy định chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng. Theo điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định 142/2008/QĐ-TTg thì không áp dụng chế độ trợ cấp tại Quyết định này đối với những người đã hưởng chế độ theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg.

12. Về việc phong tặng, truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng:

Từ năm 2021 đến năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L đã 02 lần hỗ trợ ông H đi gặp gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C (con của bà Bùi Thị T2) tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình làm việc có hướng dẫn thủ tục đề nghị truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng và lập biên bản họp gia tộc vào ngày 11/3/2022. Tuy nhiên, gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C và gia đình liệt sĩ Bùi Văn T (ông Bùi Văn H) không thống nhất được ai là người kê khai hồ sơ đề nghị truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với bà Bùi Thị T2.

Qua xem xét hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn C do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ đang quản lý và hồ sơ liệt sĩ Bùi Văn T do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đang quản lý, nhận thấy họ tên và năm sinh của mẹ liệt sĩ;

họ và năm sinh liệt sĩ trong hai hồ sơ khác nhau. Theo Văn bản số 127/LĐTBXH ngày 18/3/2022 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L về việc trả lời kết quả xác minh thân nhân liệt sĩ Nguyễn Văn C và liệt sĩ Bùi Văn T có nêu thông tin do UBND xã A, huyện L cung cấp từ những người thực chứng: “*Bà Bùi Thị T2, bà Bùi Thị N là một người; còn bà Bùi Thị T2, bà Bùi Thị N, bà Mai Thị T1 có phải là một người hay không thì không ai biết*”. Ngoài ra, ngày 25/4/2022, Cục Người có công, Bộ L đã trả lời tại Văn bản số 398/NCC-HSTTLS như sau: “*Các thông tin trong hồ sơ liệt sĩ Bùi Văn T và liệt sĩ Nguyễn Văn C chưa đủ cơ sở để sửa đổi thông tin thân nhân (mẹ) từ Mai Thị T1 thành Bùi Thị T2*”.

Theo hồ sơ, việc bà Bùi Thị T2 và bà Mai Thị T1 là một người do gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C, gia đình liệt sĩ Bùi Văn T xác định nêu trong biên bản làm việc ngày 11/3/2022, hiện nay chưa làm thủ tục đính chính thông tin. Do vậy, để giải quyết chế độ Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với bà Bùi Thị T2, trước hết ông H phải thực hiện thủ tục đính chính thông tin trong hồ sơ và thống nhất việc ủy quyền kê khai hồ sơ đề nghị truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng giữa gia đình ông H và gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C.

### 13. Về việc giao đất ở cho ông Bùi Văn H:

Việc giao đất ở cho ông Bùi Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện L. Ngày 08/01/2024, UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện L, trong đó dự kiến đưa vào kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 khu đất công phù hợp quy hoạch đất ở. Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn huyện L đang lập thủ tục tổ chức đấu giá đất làm nhà ở đối với quỹ đất đủ điều kiện.

Khi UBND huyện L tổ chức đấu giá sẽ thông báo rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân (bao gồm ông Bùi Văn H) có nhu cầu tham gia biết để liên hệ đăng ký nộp hồ sơ đấu giá theo quy định. Sau khi được UBND huyện giao đất, việc giảm tiền sử dụng đất để giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

Như vậy, việc giải quyết các chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T trong đó có ông Bùi Văn H đã được UBND tỉnh Đ, UBND tỉnh B giải quyết đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. UBND tỉnh B đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2024/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:***

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc:

Hủy Văn bản số 4777/UBND-VP ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Bùi Văn H ở huyện L.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh B phải giải quyết cho ông Bùi Văn H được hưởng các chế độ trợ cấp của thân nhân liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/12/2024 và 09/01/2025 ông Bùi Văn H là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Ông Bùi Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Bùi Văn H, các chế độ chính sách đã được giải quyết cho gia đình ông đúng quy định pháp luật. Về việc công nhận danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” thì chưa đủ cơ sở để công nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ông Bùi Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 4777/UBND-VP ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh B về trả lời đơn kiến nghị của ông Bùi Văn H về việc giải quyết 12 chế độ cho liệt sĩ Bùi Văn T và thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T, buộc UBND tỉnh B giải quyết cho ông Bùi Văn H được hưởng tất cả các chế độ trợ cấp của thân nhân liệt sĩ.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Bùi Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về chế độ tiền tuất hàng tháng của liệt sĩ:

Chế độ tiền tuất đối với thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T được thực hiện theo Quyết định không số ngày 11/4/1978 của UBND tỉnh Đ. Tại khoản 1 Điều 1 của

Quyết định đã giải quyết trợ cấp lần đầu cho gia đình liệt sĩ Bùi Văn T với số tiền là 275,60 đồng (hai trăm bảy mươi năm đồng sáu hào). Tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định có nội dung: Trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho những thân nhân chủ yếu của liệt sĩ kể từ ngày 17/6/1976 gồm: Bà Mai Thị T1, sinh năm 1913 là mẹ của liệt sĩ và 02 con của liệt sĩ là Bùi Ngọc T3, sinh năm 1963 và Bùi Văn H, sinh năm 1967. Trợ cấp ba định xuất: 24đ00 (BL 243). Kèm theo Quyết định này là 02 phiếu lập sổ và trợ cấp tiền tuất gia đình liệt sĩ cùng ngày 11/4/1978 (BL 244, 245), trong đó:

- Sổ A đứng tên bà Mai Thị T1 là mẹ liệt sĩ, trợ cấp 01 định suất với số tiền trợ cấp hàng tháng là 8,80 đồng được truy lĩnh từ 17/6/1976 (ngày Nghị định 08/NĐ76 ngày 17/6/1976 có hiệu lực) đến ngày 30/6/1978, tổng cộng là 325,84 đồng (ba trăm hai mươi lăm đồng, tám tư hào).

- Sổ B đứng tên bà Nguyễn Thị K là vợ liệt sĩ (nhận thay con) do các con chưa đến tuổi trưởng thành (dưới 18 tuổi) gồm 02 định suất với số tiền trợ cấp hàng tháng là 18,70 đồng, được truy lĩnh từ 17/6/1976 (ngày Nghị định 08/NĐ76 ngày 17/6/1976 có hiệu lực) đến ngày 30/6/1978 là 623,51 (sáu trăm hai mươi ba đồng, năm hào một).

Ngày 10/11/1982, Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Đ ban hành Quyết định số 34/QĐ-LS về việc điều chỉnh trong hồ sơ số ĐN 7379B cho ông H từ hưởng trợ tuất thường xuyên sang tuất thường xuyên ưu đãi (con liệt sĩ đồng thời mồ côi cha và mẹ), do bà Nguyễn Thị K mất năm 1982 (BL 247).

Tại Phiếu điều chỉnh trợ cấp đối với thân nhân liệt sĩ và quân nhân - công nhân viên chức từ trần ngày 27/12/1985 (theo Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985) có nội dung: Từ tháng 8/1985 trở đi, bà Mai Thị T1 là mẹ liệt sĩ Bùi Văn T được hưởng trợ cấp hàng tháng là 40 đồng (BL 246).

Tại Phiếu điều chỉnh trợ cấp đối với thân nhân liệt sĩ và quân nhân - công nhân viên chức từ trần ngày 16/7/1993 (Theo Nghị định số 27/CP ngày 23/5/1993 của Chính Phủ) của Phòng tổ chức Lao động - Thương binh xã hội huyện L: Kể từ ngày 01/4/1993, bà Mai Thị T1 là mẹ liệt sĩ Bùi Văn T được hưởng trợ cấp hàng tháng với định suất cơ bản với số tiền 30.000 đồng (BL 249).

Như vậy, việc nhận trợ cấp tuất lần đầu, tuất hàng tháng, truy lĩnh trợ cấp kể từ ngày 17/6/1976, điều chỉnh tăng mức trợ cấp đều thể hiện theo phiếu lập sổ và trợ cấp tiền tuất gia đình liệt sĩ gồm: Sổ B do bà Nguyễn Thị K nhận thay hai con và sổ A do bà Mai Thị T1 đứng tên.

Chế độ tuất hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 76/NĐ76 ngày 17/6/1976 của Hội 1.

Ngày 21/9/1981, Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Đ ban hành Quyết định số 515/QĐ.LS về việc cắt 01 định suất trợ cấp trong hồ sơ ĐN 7379B (sổ B) vì 01 người con liệt sĩ (chị Bùi Ngọc T3, sinh năm 1963) đã đến tuổi trưởng thành. Ngày 29/6/1985, Sở Thương binh và Xã hội tỉnh Đ có Quyết định số 721/QĐTBPV về việc cắt 01 định suất trợ cấp trong hồ sơ ĐN 7379 B vì cháu Bùi Văn H sinh năm 1967 đã đến tuổi lao động theo quy định. Trong Điều II Quyết

định cũng nêu: “Kể từ ngày 01/7/1985, gia đình không hưởng trợ cấp ở sổ B nữa” (BL 242, 248).

Căn cứ Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Ngày 26/6/1996, UBND huyện L ban hành Quyết định số 394/QĐ-UHB về việc giải quyết chế độ thương binh liệt sĩ, tại Điều 1 có nêu: Nay điều chỉnh chế độ cắt trợ cấp tuất số hồ sơ ĐN 7379 vì bà T1 đã bệnh chết tháng 6/1996. Điều 2 Quyết định nêu rõ: Kể từ ngày 01/6/1996, gia đình không còn hưởng tuất hàng tháng (BL 252).

Như vậy, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết chế độ tuất đối với thân nhân liệt sĩ Bùi Văn T là đúng theo quy định của pháp luật.

## [2.2] Về chế độ mai táng phí cho liệt sĩ.

Tại thời điểm báo tử liệt sĩ Bùi Văn T (hi sinh năm 1968), việc mai táng cho liệt sĩ được thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976 của Hội 1 và Phần thứ hai, Mục 1-B Thông tư số 05/TT-76 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 08/NĐ-76 quy định: “*Các đơn vị, các ngành và các địa phương phải tìm kiếm, cất bốc, quy tập mai táng các liệt sĩ tại nghĩa trang L1 được giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố và địa phương thực hiện*”. Như vậy, không có quy định chi trả tiền mai táng phí cho thân nhân liệt sĩ.

Điều 31 Pháp lệnh số 26/2005 ngày 29/6/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “*Khi người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế chết thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí*”; như vậy, không có quy định về mai táng phí cho liệt sĩ.

Pháp lệnh số 02/2020/ UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với Cách mạng cũng không quy định về mai táng phí đối với liệt sĩ.

## [2.3] Về chế độ tiền thi đua khen thưởng:

Ngày 06/7/1989, liệt sĩ Bùi Văn T được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, căn cứ quy định tại Nghị định số 59/2003/NĐ-CP ngày 04/6/2003 của Chính phủ, ông Bùi Văn H là con liệt sĩ được nhận trợ cấp 01 lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến đã từ trần trước 01/01/1995 (số tiền 1.000.000 đồng). Cụ thể, tại danh sách tặng trợ cấp tháng 4/2005 của Sở L đính kèm danh sách chi trả của UBND thị trấn L thể hiện tại trang số 04 có chữ ký nhận trợ cấp của bà Võ Thị Ngọc H2 (vợ của ông Bùi Văn H nhận thay).

Đối với các hình thức khen thưởng khác như Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng mà Liệt sĩ Bùi Văn T đã được khen thưởng: Theo Quyết định số 6B-VP/MT ngày 06/7/1966 của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền N1 thì việc khen thưởng không kèm theo tiền hoặc hiện vật.

## [2.4] Về chế độ Bằng Tổ quốc ghi công:

Tại các Pháp lệnh ưu đãi người có công qua từng thời kỳ không có quy định về trợ cấp tiền Bằng Tổ quốc ghi công mà chỉ quy định chi trả tiền trợ cấp tuất một lần khi báo tử liệt sĩ, cụ thể như sau: Điểm b khoản 2 Điều 9 Pháp lệnh Ưu

đãi người có công ban hành theo Lệnh số 36/L-CTN ngày 29/8/1994; điểm a khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2005. Trong các Nghị định quy định về mức chuẩn trợ cấp người có công với Cách mạng cũng quy định trợ cấp một lần khi báo tử liệt sĩ.

Tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Ưu đãi người có công số 02/2020/PL-UBTVQH14 quy định “Trợ cấp tuất một lần khi truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công”; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ thay đổi tên gọi “Trợ cấp một lần khi báo tử liệt sĩ” thành “Trợ cấp một lần khi truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” (Trong phụ lục đính kèm Nghị định số 75/2021/NĐ-CP không còn khoản trợ cấp một lần khi báo tử liệt sĩ nữa).

Theo thông tin của Cục Người có công Bộ L, liệt sĩ Bùi Văn T đã được cấp Bằng Tổ quốc ghi công ngày 17/7/1978, số ký hiệu Bằng TQGC: 5Y, số bằng 694 theo Quyết định 765/TTga. Theo hồ sơ của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L, ông Bùi Văn H nộp hồ sơ đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công cho liệt sĩ Bùi Văn T vào tháng 10/2013 tại xã A, huyện L với lý do mất Bằng Tổ quốc ghi công. Theo đó Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L tổng hợp hồ sơ đề nghị cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công theo Công văn số 406/LĐTBXH ngày 05/11/2013. Trường hợp này là cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công, không thuộc trường hợp truy tặng Bằng Tổ quốc ghi công (lần đầu). Mặt khác, gia đình liệt sĩ Bùi Văn T đã được trợ cấp tuất lần đầu là 275,60 đồng theo khoản 1 Điều 1 Quyết định không ghi số ngày 11/4/1978 của UBND tỉnh Đ.

#### [2.5] Về chế độ tiền Kỷ niệm chương:

Theo Luật Thi đua khen thưởng số 15/2003-QH11 năm 2003: Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Tại Pháp lệnh số 01/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04/10/2002; Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 và Pháp lệnh số 02/2020 ngày 09/12/2020 về chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng chỉ có quy định tặng Kỷ niệm chương đối với người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày và người có công giúp đỡ Cách mạng. Hiện nay, theo các quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng, chưa có quy định nào về việc tặng Kỷ niệm chương cho liệt sĩ.

#### [2.6] Chế độ trợ cấp một lần cho người hoạt động kháng chiến chống Mỹ:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 59/2003/NĐ-CP ngày 04/6/2003 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công với Cách mạng đã chết trước ngày 01/01/1995, ông Bùi Văn H là con liệt sĩ Bùi Văn T đã được nhận trợ cấp 01 lần với số tiền 1.000.000 đồng.

#### [2.7] Về chế độ tiền thờ cúng liệt sĩ:

Trước năm 2013 chưa có quy định chi trả tiền thờ cúng liệt sĩ cho thân nhân chủ yếu của liệt sĩ (trong đó có con liệt sĩ), chỉ quy định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đối với các trường hợp không còn thân nhân chủ yếu, cụ thể tại Điều 22 Nghị định

số 28/CP năm 1995 của Chính phủ quy định: “*Liệt sĩ không còn thân nhân quy định tại Điều 19 Nghị định này thì một trong những người thân khác của liệt sĩ đang đảm nhiệm việc thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp một lần mức 600.000 đồng*”. (Thân nhân chủ yếu của liệt sĩ quy định tại Điều 19 bao gồm cha mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con, người có công nuôi liệt sĩ).

Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định: “*Liệt sĩ không còn người hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng thì người thờ cúng được hưởng trợ cấp thờ cúng mỗi năm một lần, mức trợ cấp 500.000 đồng.*”

Từ năm 2013, ông H nhận trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo Quyết định số 895/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/01/2016. Ông H nhận trợ cấp thờ cúng năm 2015 và truy lĩnh 02 năm 2013, 2014 với số tiền là 1.500.000 đồng (BL 258). Từ năm 2016 trở đi, ông H nhận trợ cấp thờ cúng liệt sĩ mỗi năm 500.000 đồng. Đến năm 2022, ông H được nhận trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 1.400.000 đồng/năm theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

[2.8] Về chế độ mai táng phí cho vợ liệt sĩ:

Bà Nguyễn Thị K là vợ liệt sĩ Bùi Văn T từ trần năm 1982, thời điểm này Nhà nước chưa có quy định về mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ. Đến năm 1995, chế độ mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ mới được quy định tại Điều 21 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ và được thực hiện kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

[2.9] Về chế độ người có công che giấu Cách mạng chưa cấp bằng cho vợ liệt sĩ được cấp bằng Huân chương kháng chiến:

Bà Nguyễn Thị K là vợ liệt sĩ Bùi Văn T, là mẹ của ông H. Ông H cho rằng bà K chưa được xem xét hưởng chế độ người có công giúp đỡ Cách mạng.

Căn cứ quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH14 về tiêu chuẩn, điều kiện giải quyết chế độ người có công giúp đỡ Cách mạng; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 thì ông H cần phải làm thủ tục, hồ sơ giải quyết chế độ người có công giúp đỡ Cách mạng theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

[2.10] Về chế độ trợ cấp hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 đến năm 1976:

Theo Nghị định số 08/NĐ76 ngày 17/6/1976 của Hội 1 quy định: “*Nay quy định các chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ để thi hành thống nhất trong toàn miền N Việt Nam*”. Như vậy, Nghị định số 08/NĐ76 được ban hành và triển khai thực hiện kể từ ngày 17/6/1976 trên toàn miền N Việt Nam. Trước khi ban hành Nghị định số 08/NĐ76, do Nhà nước chưa có quy định về chính sách, chế độ đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ trên toàn miền N Việt Nam và không có quy định truy lĩnh trợ cấp cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hy

sinh đến thời điểm 17/6/1976 (ngày Nghị định số 08/NĐ76 có hiệu lực thi hành). Do đó, yêu cầu của ông H về chế độ trợ cấp hàng tháng cho thân nhân liệt sĩ tính từ lúc liệt sĩ hi sinh năm 1968 đến trước năm 1976 là không có cơ sở giải quyết.

[2.11] Về chế độ trợ cấp theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg; Quyết định 188/2007/QĐ-TTg; Quyết định 142/2008/QĐ-TTg:

Theo Quyết định số 746/QĐ-BTL ngày 15/9/2006 của Bộ về giải quyết chế độ trợ cấp một lần với đối tượng trực tiếp kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính P đã giải quyết chế độ giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với ông Bùi Văn T với số tiền 2.250.000 đồng. Ông H đã nhận số tiền này tại Danh sách ngày 07/02/2007 (số thứ tự 23). Quyết định số 1454/QĐ-BTL ngày 06/10/2010 của Bộ về giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với ông Bùi Văn T với số tiền 1.000.000 đồng (theo Quyết định 290/2005). Tại danh sách cấp phát tiền trợ cấp một lần tháng 01/2011 (số thứ tự 07), ông H đã ký nhận tiền (BL 390-341).

Trợ cấp theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007: Quyết định 188/2007/QĐ-TTg là quyết định sửa đổi, bổ sung cho Quyết định số 290/QĐ-TTg (quy định bổ sung cụ thể hơn về một số đối tượng được hưởng chế độ, không sửa mức hưởng), ông H đã nhận trợ cấp theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nên không giải quyết theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg.

Trợ cấp theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg: Quyết định này quy định chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng. Theo điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, không áp dụng chế độ trợ cấp tại Quyết định này đối với những người đã hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg. Do đó, Liệt sĩ Bùi Văn T không thuộc trường hợp được hưởng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg.

[2.12] Về việc truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng:

Ông H đề nghị truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho bà Bùi Thị N. Bà Bùi Thị N là mẹ của liệt sĩ Nguyễn Văn C và liệt sĩ Bùi Văn T.

Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định: *“Bà mẹ hoặc thân nhân của bà mẹ lập bản khai cá nhân hoặc thân nhân (01 bản chính) kèm theo giấy tờ làm căn cứ xét duyệt (03 bộ), nộp về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bà mẹ đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với bà mẹ còn sống) hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người được ủy quyền kê khai”*.

Theo khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Bộ N2 - Bộ Q - Bộ L: *“Trường hợp bà mẹ đã từ trần, việc đề nghị truy tặng do người được gia đình, họ tộc ủy quyền thực hiện, mà người đó không ở nơi bà mẹ cư trú khi còn sống thì hồ sơ phải có văn bản xác*

*nhận của Sở L nơi quản lý hồ sơ thương binh, liệt sĩ; văn bản của chính quyền địa phương nơi bà mẹ cư trú khi còn sống xác nhận về việc chưa lập hồ sơ đề nghị truy tặng và tình trạng nhân thân của bà mẹ (có mấy con, có tài giá hay không, thái độ chính trị, việc chấp hành chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước).”*

Bà Bùi Thị T2 (Mai Thị T1 hoặc Bùi Thị N) hiện nay đã chết. Trường hợp ông H là người lập hồ sơ đề nghị truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng thì phải có văn bản ủy quyền của gia đình, họ tộc. Từ năm 2021 đến năm 2022, Sở L cùng với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L đã hướng dẫn, hỗ trợ ông H đi gặp gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C (con của bà Bùi Thị T2) tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C và gia đình liệt sĩ Bùi Văn T (ông Bùi Văn H đại diện) không thống nhất được ai là người kê khai hồ sơ đề nghị truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với bà Bùi Thị T2 (Mai Thị T1 hoặc Bùi Thị N).

Ngoài ra, hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn C do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ đang quản lý và hồ sơ liệt sĩ Bùi Văn T do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B đang quản lý, thể hiện bà Bùi Thị T2 và Mai Thị T1 có sự khác biệt về họ và năm sinh, cụ thể:

- Thông tin trong hồ sơ liệt sĩ Nguyễn Văn Chính xác lập ngày 02/3/1977, do bà Bùi Thị T2, mẹ liệt sĩ Nguyễn Văn C đứng kê khai (Tờ khai của gia đình liệt sĩ ngày 25/02/1977) thể hiện tên mẹ liệt sĩ là bà *Bùi Thị T2, sinh năm 1907*; là mẹ liệt sĩ Nguyễn Văn C (sinh năm 1949) và liệt sĩ Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1939).

- Thông tin trong hồ sơ liệt sĩ Bùi Văn T xác lập ngày 26/12/1977, do bà Nguyễn Thị K, vợ liệt sĩ Bùi Văn T đứng kê khai (Tờ khai của gia đình liệt sĩ ngày 22/12/1977) thể hiện tên mẹ liệt sĩ là bà *Mai Thị T1, sinh năm 1913*; là mẹ liệt sĩ Bùi Văn T (sinh năm 1936).

Theo Công văn số 504/LĐTBXH-NCC ngày 10/7/2024 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L về việc phúc đáp đơn đề nghị xác nhận của ông Bùi Văn H có nội dung: *“Bà Bùi Thị T2, bà Bùi Thị N là một người; Còn bà Bùi Thị T2, bà Bùi Thị N, bà Mai Thị T1 có phải là một người hay không thì không ai biết”*.

Như vậy, việc xác định bà Bùi Thị T2 và bà Mai Thị T1 là một người thì gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn C và gia đình liệt sĩ Bùi Văn T phải làm thủ tục đính chính thông tin theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 130 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ và phải có văn bản thống nhất việc ủy quyền kê khai hồ sơ đề nghị truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng mới đủ cơ sở để xem xét giải quyết chế độ phong tặng danh Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

[2.13] Về việc cấp đất ở:

Việc cấp đất ở thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện L. Hiện nay trên địa bàn huyện L đang lập thủ tục tổ chức đấu giá đất làm nhà ở đối với quỹ đất đủ điều kiện. Khi UBND huyện L tổ chức đấu giá sẽ thông báo rộng rãi đến

các tổ chức, cá nhân (bao gồm ông Bùi Văn H) có nhu cầu tham gia biết để liên hệ các cơ quan có thẩm quyền đăng ký nộp hồ sơ đấu giá theo quy định. Sau khi được UBND huyện giao đất, việc giảm tiền sử dụng đất để giải quyết chế độ ưu đãi người có công với Cách mạng sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. Nội dung này cũng đã được giải quyết tại Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2023/HC-ST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông H kháng cáo không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Văn H được miễn án phí hành chính phúc thẩm do là thân nhân liệt sĩ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 16 Nghị định số 08/NĐ76 ngày 17/6/1976 của Hội 1;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 76/NĐ76 ngày 17/6/1976 của Hội 1;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 9 Pháp lệnh số 36/L-CTN ngày 29/8/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 21, Điều 22 Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 14, Điều 31 Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính Phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Bộ N2 - Bộ Q - Bộ L;

Căn cứ Điều 38 Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 68, Điều 69, điểm b khoản 3 Điều 130 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2024/HC-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cụ thể như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H về việc:

- Hủy Văn bản số 4777/UBND-VP ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Bùi Văn H ở huyện L.

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh B phải giải quyết cho ông Bùi Văn H được hưởng các chế độ trợ cấp của thân nhân liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Bùi Văn H được miễn án phí hành chính sơ thẩm do là thân nhân liệt sĩ.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Văn H được miễn án phí hành chính phúc thẩm do là thân nhân liệt sĩ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Dương sự;
- Lưu HSVA (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**